

Số: 178/2024/QĐST-HNGĐ **Quận G**, ngày 29 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 118/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Bùi Minh T**, sinh năm 1997; Địa chỉ: **Số G Đ, Khu phố G, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh**.

- Bà **Trần Thị Diễm T1**, sinh năm 1997; Địa chỉ: **Số H N, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi Minh T** và bà **Trần Thị Diễm T1** qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2021 (Giấy chứng nhận kết hôn số 43, đăng ký ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại **Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**). Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do ông **T** và bà **T1** cùng trình bày: do cách giáo dục của hai bên gia đình khác nhau, cả hai vợ chồng thiếu kiến thức về hôn nhân, kinh tế khó khăn nhưng cả hai lại không tập trung làm ăn lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống và cả hai không có chính kiến nên dễ chịu sự tác động tư tưởng từ bên ngoài. Từ đó cả hai ít chia sẻ, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nên

dần dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Cả hai đã ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, cả hai đã sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên ông T, bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Diễm T1 có 02 (Hai) con chung họ tên là: Bùi Trần Duy P (Giới tính: Nam), sinh ngày 30/6/2021 và Bùi Trần Hải T2 (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/7/2022.

Sau khi ly hôn ông T và bà T1 thỏa thuận giao hai con chung là trẻ Bùi Trần Duy P và Bùi Trần Hải T2 cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Trung cấp d nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng, cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành vào tháng 04/2024. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Diễm T1 xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Diễm T1 xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Diễm T1 chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Diễm T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 43, đăng ký ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thị Diễm T1 có 02 (Hai) con chung họ tên là: Bùi Trần Duy P (Giới tính: Nam), sinh ngày 30/6/2021 và Bùi Trần Hải T2 (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/7/2022.

Sau khi ly hôn ông T và bà T1 thỏa thuận giao hai con chung là trẻ Bùi Trần Duy P và Bùi Trần Hải T2 cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Trung cấp d nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn)

đồng, cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành vào tháng 04/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông **Bùi Minh T** chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông **T** phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Ông **Bùi Minh T** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông **Bùi Minh T** và bà **Trần Thị Diễm T1** xác nhận không có.

1.4. Về nợ chung: Ông **Bùi Minh T** và bà **Trần Thị Diễm T1** xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0037926 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000999089 ngày 29/02/2024, đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số tài khoản 3949.0.1053934.00000 tại **Kho bạc nhà nước Q**, Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo nộp tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự số 66/TB-TA ngày 29 tháng 02 năm 2024, Mã thông báo: CLFOP2WKZY. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Hà Thị L